

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2017/HSST
Ngày 22/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hương Giang**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Thiệu** và bà **Lý Thuý Hà**
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Vũ Đức Thảo** - Cán bộ toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông **Vũ Khánh Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2017/HSST ngày 30/11/2017 đối với bị cáo:

Trần D - sinh ngày 30/10/1984 tại thành phố Tuyên Quang

Cư trú: Tổ 38, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần V và bà Vũ T; Có vợ là Trần H và có 01 con.

Tiền án: - Ngày 26/12/2008 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2011.

- Ngày 27/6/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16 tháng 10 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 11/9/2017 đối với Trần D.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần D bị VKSND thành phố Tuyên Quang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 09 giờ 20 phút ngày 15/9/2017 tại trụ sở Công an phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tổ công tác Công an phường Tân Quang đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần D về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ và niêm phong 01 gói nhỏ, bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà (theo D khai đó là Hêrôin, D tàng trữ với mục đích để sử dụng cho bản thân). Ngoài ra còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL đã qua sử dụng, 01 xe mô tô biển số 22K2-5375.

Quá trình điều tra, Trần D khai nhận về nguồn gốc ma túy như sau:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 15/9/2017 D đi đến khu vực trước cổng Đài tưởng niệm thành phố Tuyên Quang thì gặp A (D không biết họ của A và địa chỉ cụ thể của A). D hỏi mua ma túy của A, D đưa cho A 400.000đồng, A cầm tiền và hẹn D đến khu vực chân dốc số 2 chờ A (Do trước đó D đã mua ma túy của A 01 lần nên biết A có ma túy bán). Khoảng 20 phút sau A đến nơi hẹn và đưa cho D 01 gói nhỏ, bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng ngà. Sau khi mua được ma túy, D đi đến khu vực tổ 23, phường Q (khu dốc B) thì bị tổ công tác Công an phường T đang làm nhiệm vụ phát hiện nghi vấn nên đã mời D về trụ sở làm việc, tại đây D đã tự giác giao nộp gói ma túy đang cất giấu trong người.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Trần D, kết quả (+) dương tính (có chất ma túy trong cơ thể D).

Tại Kết luận giám định số 475/GĐKTHS ngày 18/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chất bột vón cục màu trắng ngà trong gói nhỏ thu giữ của Trần D gửi giám định là Heroin (Hêrôin); trọng lượng 0,126g (Không phải một hai sáu gam).

Tại bản cáo trạng số 175/QĐ-KSĐT ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm p khoản 2, Điều 194; điểm p, khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; điểm n, khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Trần D từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/9/2017.

Áp dụng: Điều 41- Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 - Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký của bị cáo, chữ ký của giám định viên và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MASSTEL A116 đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 chiếc sim Viettel nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần D không trình bày lời bào chữa và nhất trí với Luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện những chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Trần D khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo cũng khai nhận Kết luận giám định số 475/GĐKTHS ngày 18/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang là khách quan, chính xác. Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy nên ngày 15/9/2017 bị cáo đã tàng trữ 0,126g Hêrôin với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có 02 tiền án về tội ma túy, sau mỗi lần chấp hành xong hình phạt tù của các bản án, chưa được xoá án bị cáo lại tiếp tục phạm tội về ma túy. Như vậy, VKSND thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Trần D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (tình tiết tái phạm nguy hiểm) là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương và làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố T nên cần phải đưa ra xét xử nghiêm.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về các tội ma túy nhưng không có ý thức tu dưỡng bản thân, coi thường pháp luật nên cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX cũng đã xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Trần D bị truy tố và xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Cũng cùng tội danh này, tại điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù. Như vậy, khung hình phạt trong Bộ luật hình sự 2015 đã quy định nhẹ hơn. Tại khoản 3, điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 quy định như sau: “Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn ... thì được áp dụng đối với một hành vi phạm tội đã được thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, HĐXX xem xét quyết định một hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo do có sự thay đổi về pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, không có mục đích vụ lợi nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, ngày 04/10/2017 Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt hành chính (bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng). Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong vụ án này, theo bị cáo khai có Lê C là người đưa tiền nhờ bị cáo đi mua ma túy. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng C không nhận, tại phiên tòa HĐXX đã công bố lời khai của C, bị cáo cũng nhất trí và không có ý kiến gì, do vậy không đủ chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xử lý đối với C.

Ngoài ra còn có người đàn ông tên là A, theo bị cáo khai là người bán ma túy cho bị cáo nhưng không có họ tên và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

** Về vật chứng:*

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 22K2-5375, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Vũ T (là mẹ của bị cáo), bị cáo mượn xe của bà T đi mà bà T không biết bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã trả lại chiếc xe cho bà T. HĐXX thấy như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký của bị cáo, chữ ký của giám định viên và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang bên trong có ma túy là đối tượng giám định hoàn lại cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu MASSTEL A116 đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 chiếc sim Viettel bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng: Điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p, khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo **Trần D** 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 15/9/2017.

2. Áp dụng: Điều 41 – Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn có chữ ký của bị cáo, chữ ký của giám định viên và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu MASSTEL A116 đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có 01 chiếc sim Viettel nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

3. Áp dụng các Điều 99, 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND thành phố (2 bản);
- Công an thành phố;
- Chi cục THADS th. phố;
- UBND phường M;
- Phòng HSNVCATỉnh;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang